

Bản án số: 98/2022/DS-ST  
Ngày 16 - 5 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/DS-ST ngày 6 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Phạm H V, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Võ Văn M – Văn phòng Luật sư Phạm Văn Cần thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Ngô Thị Kim C – bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu Thu H trình bày:** Do có quen biết với nhau từ trước nên chị H có cho bà C vay tiền nhiều lần. Sau đó, đến ngày 30/02/2020 âm lịch giữa chị H với bà C đối chiếu nợ, bà C thừa nhận còn nợ chị H số tiền gốc 1.720.000.000 đồng. Sau đó chị H1 (cháu của bà C) mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690, tờ bản đồ số DH-05, thửa đất số 116-137 với diện tích 240m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do ông Châu Văn D đứng tên, chị H1 là người được thừa kế giao cho bà H giữ để làm tin và bảo đảm cho khoản tiền vay của bà C. Khi đó giữa chị H và chị H1 có làm giấy mượn tiền, trong đó ghi mục đích vay tiền là dùng để đáo hạn ngân hàng, thời gian vay là 30 ngày kể từ ngày 30/02/2020 đến ngày 30/03/2020 theo lịch âm. Lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng. Chị H1 là người trực tiếp ký và điểm chỉ vào giấy mượn tiền. Nhưng sau đó bà C, chị H1 không trả tiền lãi và tiền gốc như thỏa thuận. Chị H có đến nhà chị H1 và bà C yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng cả hai không trả. Vì vậy bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H buộc bà C và chị H1 trả lại cho bà H số tiền 1.720.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/2/2020 âm lịch cho đến khi xét xử xong vụ án.

**Bị đơn bà Ngô Thị Kim C trình bày:** Trước ngày 21/4/2020 âm lịch, bà có vay tiền của chị H (thỏa thuận tính theo tiền hui), bà vay tương đương 10 phần hui là 140.000.000 đồng bao gồm cả vốn và lãi, đóng mỗi ngày 2.000.000 đồng, thời hạn 70 ngày, bà đóng được khoảng 30 ngày. Bà có vay tiền của chị H 3 lần tổng cộng 370.000.000 đồng. Bà trả lãi mỗi tháng là 88.800.000 đồng. Ngoài ra bà có chơi hui 5.000.000 đồng với chị H, hui có 39 phần, bà vô 02 phần, đến ngày 21/5/2020 âm lịch bà lĩnh 2 phần hui được 190.000.000 đồng. Đến ngày 30/5/2020 âm lịch chị H đến nhà bà tính tiền lãi hết 167.000.000 đồng. Chị H đưa cho bà số tiền còn lại 23.000.000 đồng. Từ ngày 30/5/2020 âm lịch đến nay bà không có khả năng trả lãi cho chị H nữa. Vì lý do làm ăn thất bại, bà có nói với cháu bà là Nguyễn Thị Kim H1 về số nợ của chị H và nhờ chị H1 giúp, chị H1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ mà chị H1 được thừa kế cho bà để mang đi vay tiền người khác nhằm trả nợ cho chị H. Bà có đến nhà chị H tìm hướng giải quyết số nợ, tại đây có mặt ông V nên bà đưa toàn bộ hồ sơ đất đai của chị H1 cho chị H, ông V xem. Sau đó chị H và ông V giữ hết giấy tờ của chị H1. Chị H1 có gọi điện thoại cho bà để trao đổi về số tiền mà bà còn nợ chị H, bà cũng thống nhất nợ theo biên nhận và chị H1 đồng ý ký tên vào biên nhận nợ vay 1.720.000.000 đồng với chị H. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn bà không có tiền trả lãi và vốn theo nội dung biên nhận. Tuy nhiên bà cho rằng số tiền mà bà

nợ chị H 1.720.000.000 đồng bao gồm cả vốn và tiền lãi. Chị H cho rằng bà không đóng lãi từ ngày 30/02/2020 âm lịch là không đúng, bà đã đóng lãi cho chị H đến ngày 30/5/2020 âm lịch.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:** Bà Ngô Thị Kim C là dì ruột của chị, trong quá trình làm ăn bà C có vay tiền của chị H và bà C có kể cho bà nghe sự việc bà C không có tiền trả cho bà H. Bà C có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà của chị để đem đi vay mượn người quen nhưng chưa vay được thì đến thời hạn bà C hẹn trả nợ với bà H. Trong lúc thỏa thuận về số nợ, chị H đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác của chị. Đến đầu tháng 09/2020 chị có đến nhà chị H hỏi mượn lại sổ hộ khẩu đem về, chị H có làm biên nhận nợ và kêu chị ký giấy nợ. Lúc đó chị có gọi điện thoại hỏi bà C thì bà C thừa nhận có nợ chị H số tiền ghi trong biên nhận, bà C bảo chị ký tên vào biên nhận dùm cho chị nên chị cũng đồng ý, ký giấy mượn tiền, nhận nợ cho chị H. Sau đó chị H lại nhà chị nhiều lần để yêu cầu thanh toán nợ nhưng thực tế số nợ này do bà C vay, chị không có vay nên không đồng ý thanh toán cho chị H. Chị không đồng ý thanh toán nợ cho chị H theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thu H. Buộc bà Ngô Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Kim H1 phải thanh toán cho chị Châu Thu H số tiền 2.142.569.600 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), trong đó vốn gốc là 1.720.000.000 đồng, tiền lãi là 422.569.600 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 bị đơn bà Ngô Thị Kim C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không đồng ý trả tiền gốc 1.720.000.000 đồng, đồng ý trả tiền mượn vàhui chết cho bà H tổng cộng 633.000.000 đồng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần nội dung bản án của Tòa án nhân dân thành phố H về việc buộc chị cùng với bà C phải trả số tiền 2.142.569.600 đồng, trong đó tiền gốc là 1.720.000.000 đồng và tiền lãi 422.569.600 đồng là không hợp lý vì lý do chị không có mượn tiền cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của chị H và bà C. Yêu cầu chị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Ngô Thị Kim C giữ nguyên đơn kháng cáo, bà đồng ý trả tiền mượn và tiềnhui chết cho bà H tổng cộng là 633.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 giữ nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm về việc buộc chị cùng với bà C trả trả số tiền 2.142.569.600 đồng. Bởi vì, chị không có mượn và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của chị H và bà C. Yêu cầu chị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc), hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của chị (bản gốc).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn cho rằng: Đây là hợp đồng giả cách, yêu cầu bà H1 trả nợ để xác định rằng bà C với chị H vay nợ với nhau, bà C với bà H chốt nợ với nhau thế nào thì không thể đưa chị H1 vào để trả nợ, đồng thời khi chốt nợ vào ngày 30/02/2020 thì chị H1 không có ký và trong lịch cũng không có ngày 30/02/2020, xác nhận nợ ngày 30/02/2020 âm lịch là không đúng vì chị H1 đã thế chấp các giấy tờ vào tháng 7/2020 nhưng chị H1 cần lấy giấy lại mới ký vào biên nhận nợ vậy lý do gì mà giấy nợ ký ngày 30/02/2020, việc ký giấy nợ phải sau lúc thế chấp mới đúng.

Đối với bà C có thừa nhận còn thiếu tiền gốc là 633.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi, tổng cộng là 1.720.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xem xét bà C xác định còn nợ tiền gốc của chị H1 là 633.000.000 đồng, số tiền còn lại là lãi; đồng thời Tòa án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng là đơn khởi kiện, quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án cùng ngày 28/01/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và buộc chị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc).

Anh Phạm Hiền V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Châu Thu H cho rằng không đồng ý đơn kháng cáo của bị đơn bà C, chị H1 và đồng ý trả lại cho chị H1 giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim C, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1, ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông

Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc). Sửa bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Kim C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không đồng ý trả tiền gốc 1.720.000.000 đồng, đồng ý trả tiền mượn và hụi chết cho bà H tổng cộng 633.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, giữa chị H với bà C có quen biết với nhau, bà H có cho bà C vay tiền nhiều lần, bà H không nhớ cụ thể nhưng đến ngày 30/02/2020 giữa chị H với chị H1, bà C có đối chiếu số tiền gốc 1.720.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/ tháng. Mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, tại các Biên bản hòa giải ngày 02/4/2021 và ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H bà C đều thừa nhận là có nợ số tiền theo biên nhận 1.720.000.000 đồng cả vốn và lãi (bút lục 45, 46, 47, 54, 55, 56). Tuy nhiên, bà C cho rằng số tiền 1.720.000.000 đồng là tiền gốc và lãi cũng như việc bà C đã đóng tiền lãi cho chị H nhiều lần nhưng từ khi thụ lý vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như Tòa án cấp phúc thẩm bà C không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm nghĩ nên không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C là phù hợp.

[2] Xét đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần nội dung bản án của Tòa án nhân dân thành phố H về việc buộc chị cùng với bà C phải trả số tiền 2.142.569.600 đồng, trong đó tiền gốc là 1.720.000.000 đồng và tiền lãi 422.569.600 đồng là không hợp lý vì chị không có mượn tiền cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của chị H và bà C. Yêu cầu chị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu V Điều (bản gốc). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, chị H1 với bà C có mối quan hệ dì cháu với nhau, nên chị H1 biết bà C có nợ chị H nên đồng ý đưa các giấy tờ liên quan về quyền sử dụng đất như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X330690, tờ bản đồ số DH-05, thửa đất số 116-137 với diện tích 240m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại Cù Đút, khu phố 5, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang do ông Châu Văn Đ đứng tên, chị H1 là người được thừa kế, đưa bà C để đi vay tiền, sau đó bà C đưa cho chị H giữ để làm tin. Đến ngày 30/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/3/2020 dương lịch) chị H1 có ký tên và điểm chỉ vào giấy mượn tiền, số tiền 1.720.000.000 đồng, thời gian

vay là 30 ngày kể từ ngày 30/02/2020 đến ngày 30/03/2020 theo lịch âm, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng (bút lục số 04). Chị H1 biết rằng đây là số nợ của bà C nhưng bà C bảo chị H1 ký vào biên nhận tiền thì chị H1 cũng đồng ý ký vào biên nhận. Chị H1 cho rằng chị không nhận bất kỳ khoản tiền nào của chị H hay của bà C đưa. Tuy nhiên, chị H1 thừa nhận có ký vào biên nhận tiền của chị H và việc ký nhận nợ vào biên nhận tiền là chị H1 hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc và chị H1 biết rõ số nợ này nên chị H1 mới ký vào biên nhận nợ của chị H. Vì vậy chị H1 phải có trách nhiệm trả số nợ này cùng với bà C là phù hợp. Do đó, theo giấy mượn tiền ngày 30/02/2020 âm lịch thì số nợ gốc bị đơn vay của nguyên đơn là 1.720.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,66%/tháng, tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị H1 về việc chị không đồng ý cùng bà C trả nợ cho chị H như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu chị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận đang giữ các giấy tờ như trên và đồng ý trả lại cho chị H1 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận tự sự nguyện này.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim C, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 cũng như chấp nhận một phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1; chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Kim H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim C.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thu H.**

Buộc bà Ngô Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Kim H1 phải trả cho chị Châu Thu H số tiền là 2.142.569.600 đồng (hai tỷ một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), trong đó vốn gốc là 1.720.000.000 đồng, tiền lãi là 422.569.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Châu Thu H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330690 (bản gốc), giấy khai tử của ông Châu Văn Đ (bản gốc), giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H1 và ông Châu Văn Đ (bản gốc) cho chị Nguyễn Thị Kim H1.**

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí:**

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 và bà Ngô Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 74.851.392 đồng (bảy mươi bốn triệu tám trăm năm mươi một nghìn ba trăm chín mươi hai đồng). Bà Ngô Thị Kim C thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí là 37.425.696 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng). Chị Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí là 37.425.696 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Trả lại cho nguyên đơn bà Châu Thu H tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 36.055.200 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009269 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H1 và bà Ngô Thị Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại bị đơn chị Nguyễn Thị

Kim H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000284 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố H;
- THA dân sự thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhiên**